TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **171**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-05-2020
V/v:*"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Long**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý
Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **28** tháng **5** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số **124**/2020/TLST–HNGĐ ngày 26/3/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị PTT, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: thôn T, xã P, huyện P, Thành phố Hà Nội.

**** Bị đơn:*** Anh HAL, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Chị PTT có mặt; anh HAL có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị PTT trình bày:***

Về hôn nhân: Chị và HAL kết hôn năm 2018 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh L. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã P, huyện P, Thành phố Hà Nội từ năm 2019 và vợ chồng ly thân từ đó đến

nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn - Anh HAL có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án.***

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/3/2020, anh HAL trình bày:*

Anh thừa nhận thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như chị PTT trình bày. Theo anh L, quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã P, huyện P, Thành phố Hà Nội từ năm 2019 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, trong thời gian ly thân thì giữa anh và Chị T không liên lạc với nhau. Nay Chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị PTT giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh L; *về con chung:* Không có con chung; *về tài sản:* Chị T không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố Tụng Dân sự; Các đương sự: Chị PTT đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án; anh HAL chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật nhưng đã có đơn xin vắng mặt.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PTT và cho Chị T được ly hôn anh HAL; *Về con chung:* Đề nghị không xem xét; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét; *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh HAL hiện cư trú tại thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của anh HAL: Anh HAL đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân

sự và anh L đã có lời khai trình bày quan điểm của mình và có đơn đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án nên việc vắng mặt tại phiên tòa của anh L không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh HAL.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị PTT và HAL kết hôn năm 2018 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa Chị T và anh L được coi là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo Chị T thì giữa vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2019 chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại thôn T, xã P, huyện P và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Anh L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống và thừa nhận thời điểm vợ chồng ly thân như Chị T trình bày. Nay Chị T xin ly hôn, anh L đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Chị T và anh L đã ly thân được một thời gian tương đối dài (từ năm 2019 đến nay), cuộc sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng, nay Chị T xin ly hôn với anh L, anh L đồng ý. Xét tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn đoàn tụ từ hai phía (Chị T + anh L), nay Chị T xin ly hôn, anh L đồng ý, nên cần xác định mâu thuẫn giữa Chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của của Chị T và cho Chị T được ly hôn anh L để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị PTT và HAL đều thừa nhận vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị PTT và HAL đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị PTT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị PTT được ly hôn anh HAL.

2. Về con chung: không xem xét

3. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị PTT phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị T đã nộp **300.000** đồng *(theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004668 ngày 25 tháng 3 năm 2020)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị PTT có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh HAL có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

Nơi nhận:
- *TAND tp Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ,*
- *CC.THADS huyện Chương Mỹ;*
- *UBND xã P, huyện Chương Mỹ*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA/VP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Long